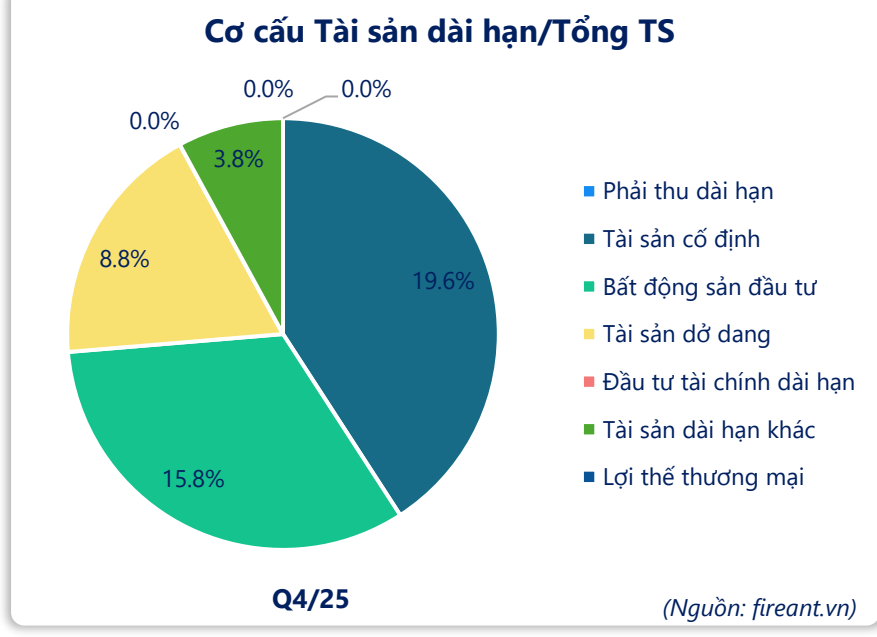
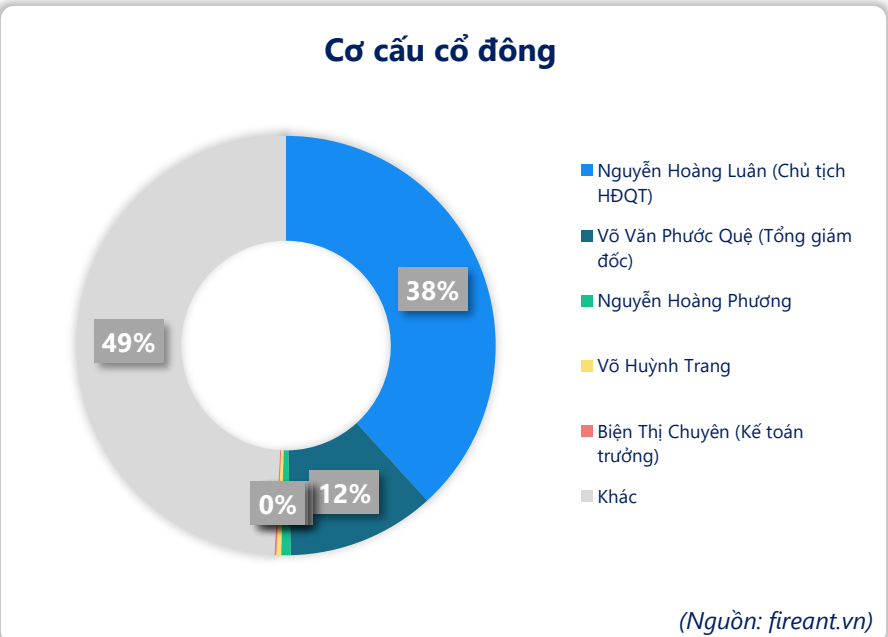
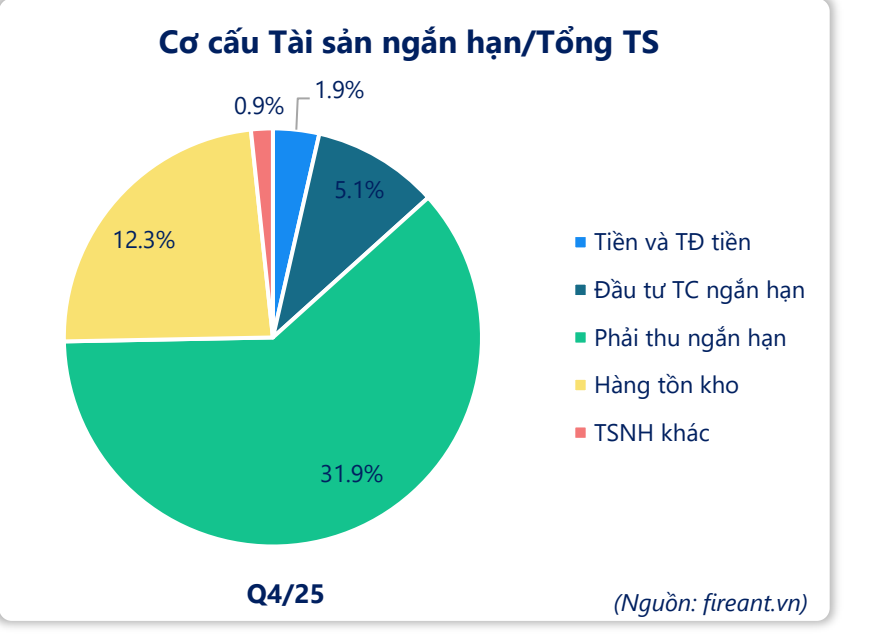
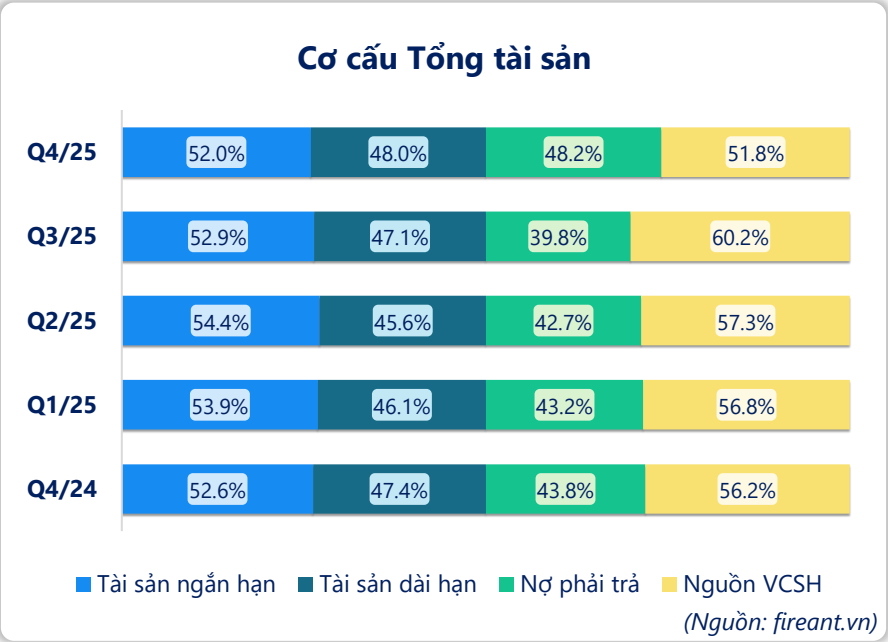
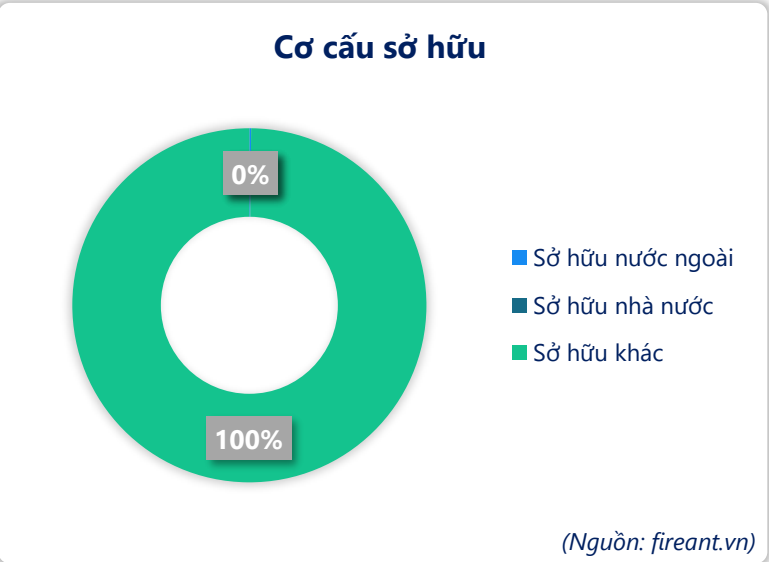
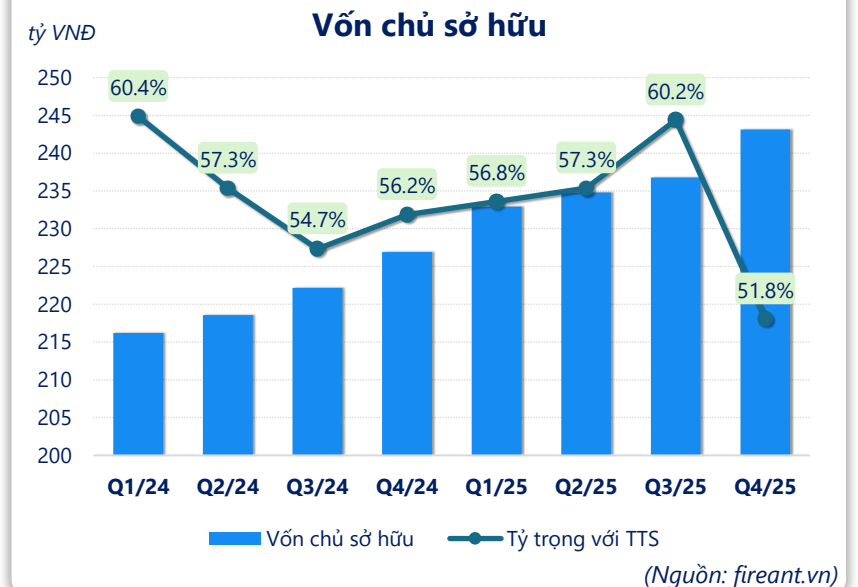
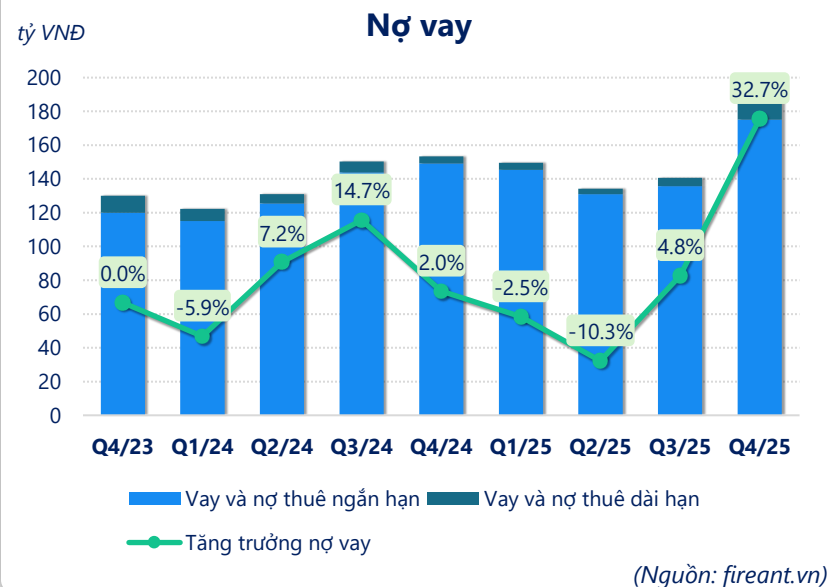
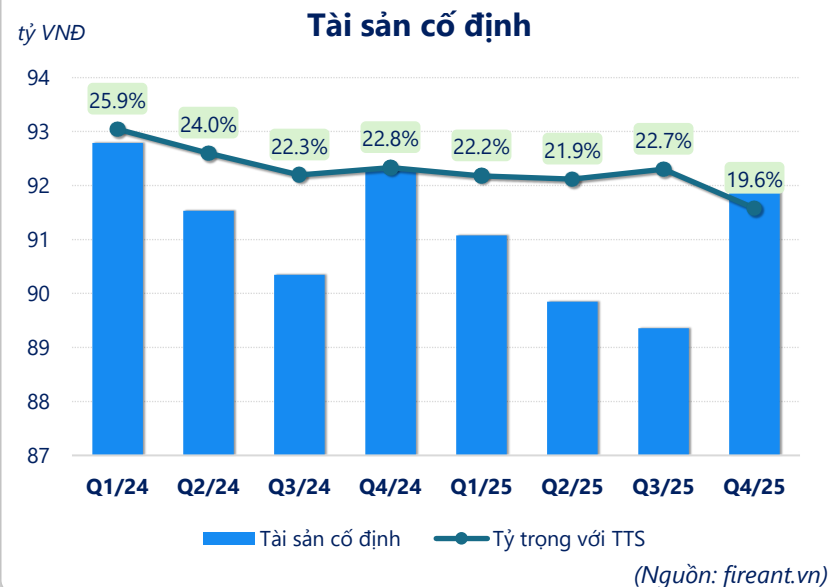
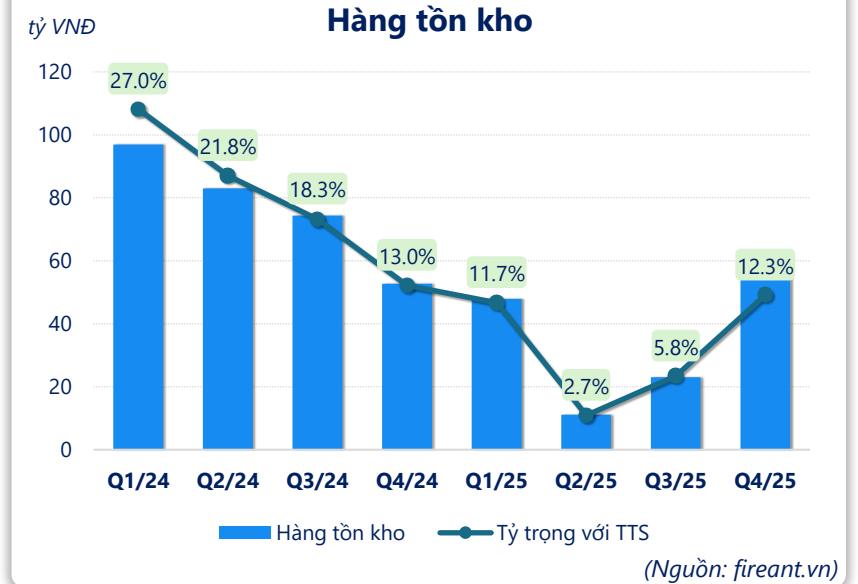
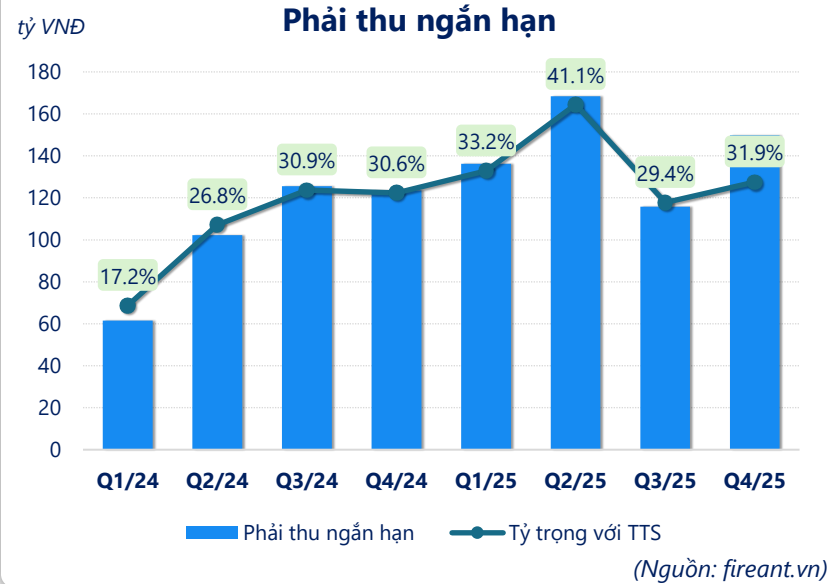
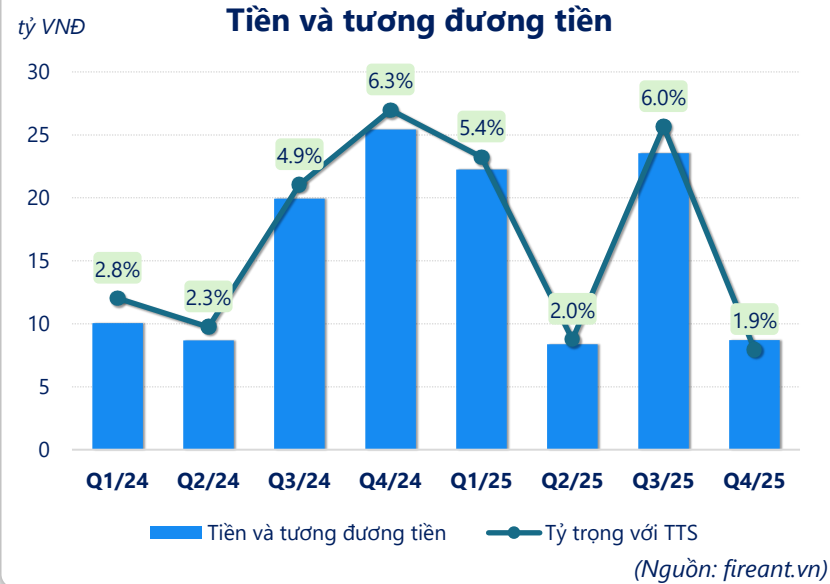
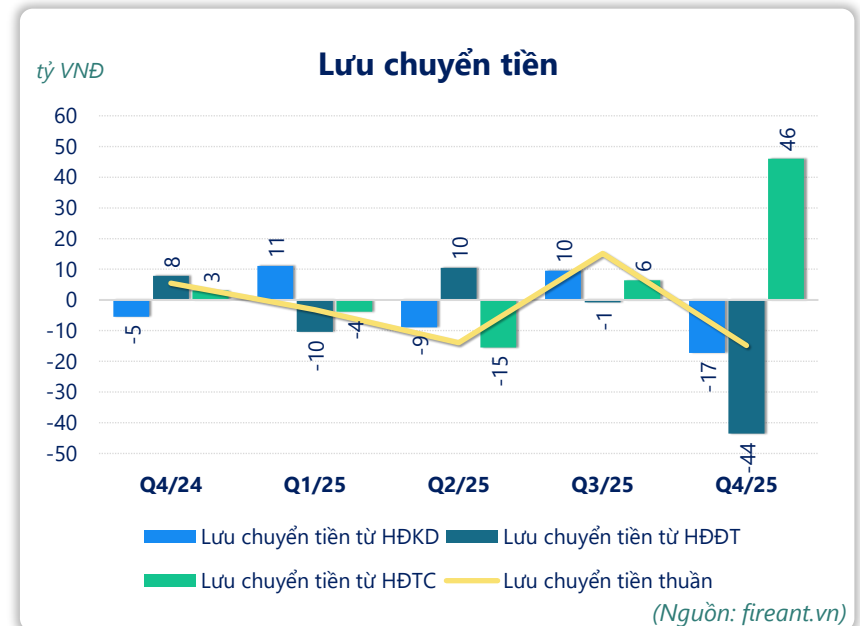
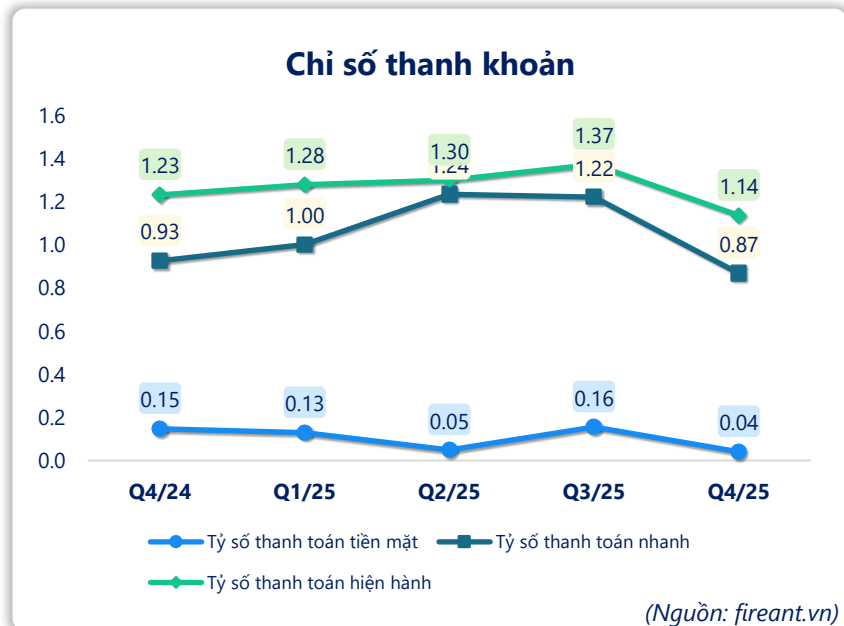
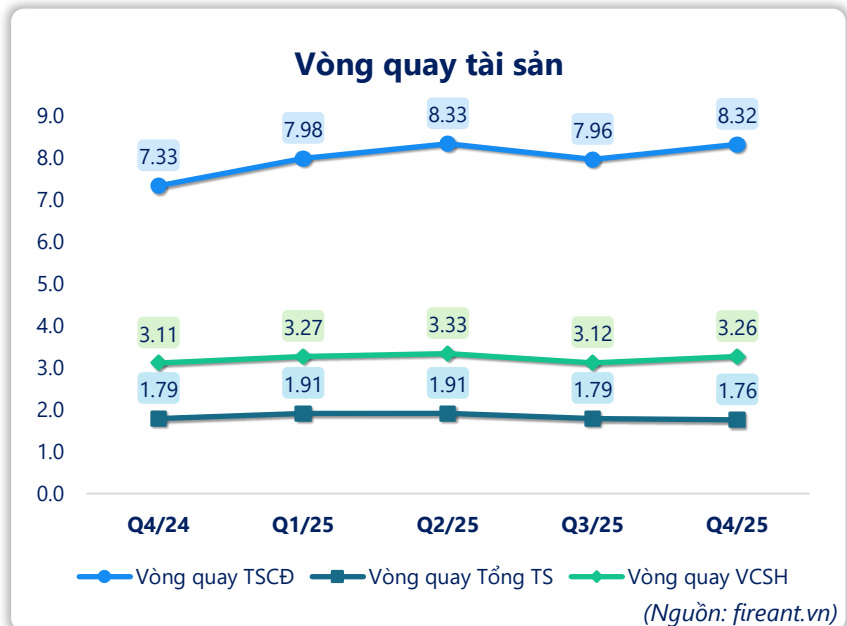
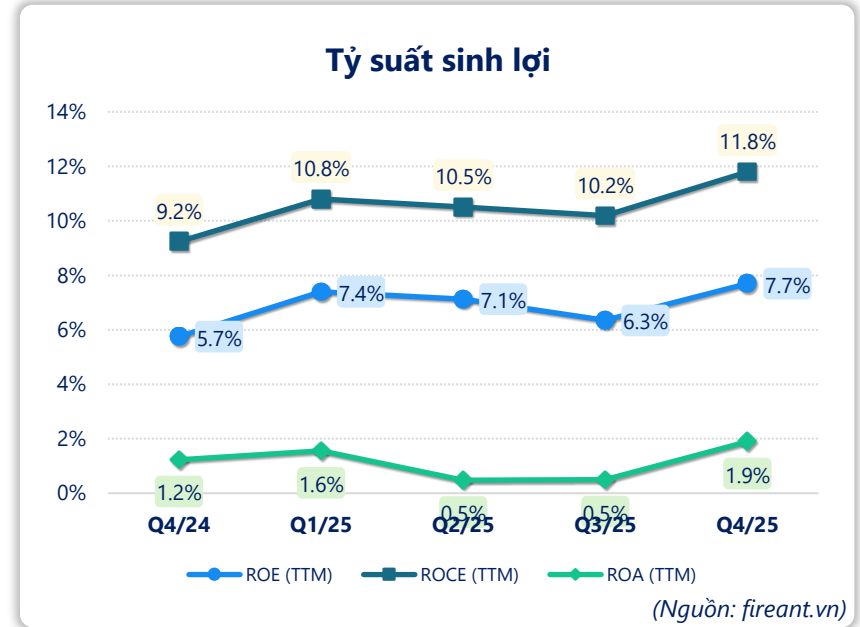
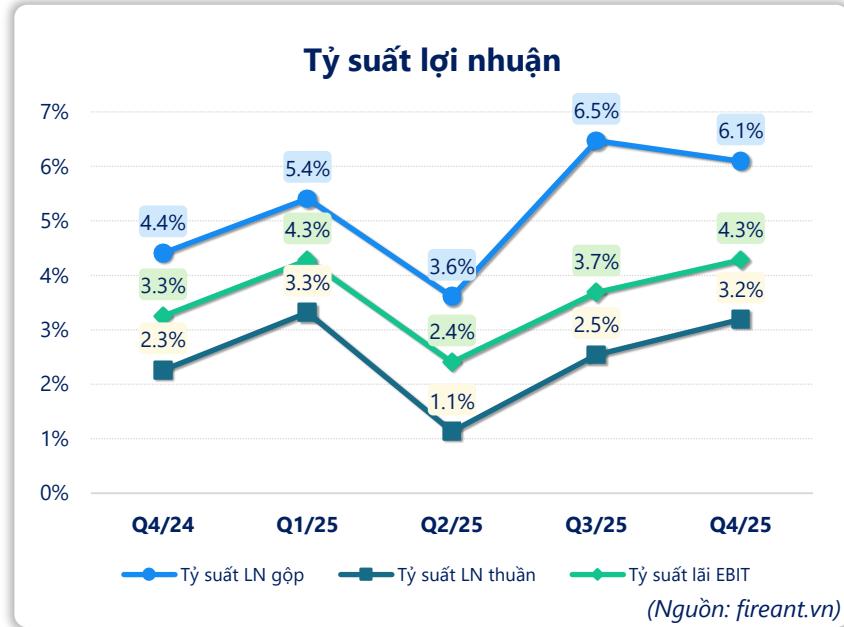
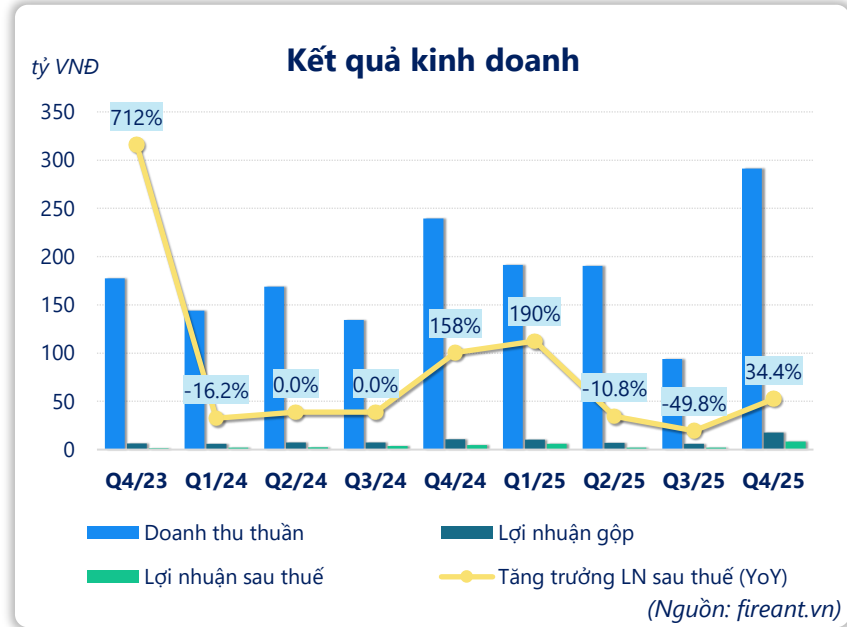


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,000
SL cổ phiếu LH		17,679,982
KLGD BQ 20 phiên (CP)		189,030
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		177
P/E		9.8
EPS		1,023

	YTD	1T	3T	6T
AVG	-67.1%	-4.8%	-33.3%	-35.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	470	404	16.3%
Tài sản ngắn hạn	244	212	14.9%
Tiền và tương đương tiền	8.71	25.4	-65.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.8	7.76	207%
Phải thu ngắn hạn	150	124	21.2%
Hàng tồn kho	57.6	52.7	9.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.11	3.01	36.7%
Tài sản dài hạn	226	191	17.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	92.1	92.3	-0.1%
Bất động sản đầu tư	74.0	77.6	-4.7%
Tài sản dở dang	41.5	3.07	1249%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	17.9	18.4	-2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	226	177	28.0%
Nợ ngắn hạn	215	172	24.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	175	149	17.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	36.4	20.9	74.3%
Nợ dài hạn	11.9	4.61	158%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.4	4.20	172%
Nguồn vốn chủ sở hữu	243	227	7.1%
Vốn chủ sở hữu	243	227	7.1%
Vốn điều lệ	177	177	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	240	191	190	93.8	291
Giá vốn hàng bán	229	181	184	87.8	274
Lợi nhuận gộp	10.6	10.3	6.87	6.07	17.8
Doanh thu HĐTC	0.03	0.01	0.08	0.00	0.07
Chi phí TC	2.71	1.87	2.56	1.39	3.69
Chi phí lãi vay	2.71	1.87	2.56	1.39	3.70
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.75	0.73	0.65	0.56	1.40
Chi phí QLDN	1.72	1.41	1.58	1.74	3.44
LN thuần từ HĐKD	5.41	6.34	2.16	2.38	9.30
Lợi nhuận khác	-0.33	-0.04	-0.14	-0.31	-0.52
LN trước thuế	5.08	6.31	2.02	2.07	8.78
Lợi nhuận sau thuế	4.76	5.99	1.87	2.00	8.34
LNST của CĐ cty mẹ	4.73	5.96	1.89	1.98	8.26

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.43	11.1	-8.91	9.52	-17.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	7.86	-10.4	10.5	-0.80	-43.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.07	-3.85	-15.4	6.45	46.0
Tiền đầu kỳ	19.9	25.4	22.3	8.37	23.5
Lưu chuyển tiền thuần	5.50	-3.16	-13.9	15.2	-14.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	25.4	22.3	8.37	23.5	8.71

(Nguồn: fireant.vn)